

NỘI DUNG ÔN TẬP TỪ 16/3 ĐẾN 21/3/2020

CHỦ ĐỀ BIỂU THỨC ĐẠI SỐ

Phần 1: Hướng dẫn HS nghiên cứu một số kiến thức mới.

- Đọc nghiên cứu trước nội dung các bài:
 - §1. Khái niệm về biểu thức đại số
 - §2. Giá trị của một biểu thức đại số
- Trả lời các câu hỏi lý thuyết sau:
 1. Khái niệm biểu thức, biểu thức đại số.
 2. Khái niệm biến (biến số)
 3. Giá trị của một biểu thức đại số.

Phần 2: Bài tập

Bài 1: Viết các biểu thức đại số

- a) Hiệu của a và bình phương của b.
- b) Hiệu các lập phương của b.

Bài 2: Tính giá trị biểu thức

- a) $2x^2 - 3x + 1$ tại $x = -1$
- b) $5x^2 - 3x - 16$ tại $x = 2$
- c) $2x - 3y^2 + 4z^3$ tại $x = 2, y = -1, z = -1$
- d) $5x - 7y + 10$ tại $x = \frac{1}{5}, y = -\frac{1}{7}$

Bài 3: Thu gọn các biểu thức

- a) $\frac{1}{5}xy^2z \cdot (-5xy)$
- b) $x^3 \cdot \left(-\frac{1}{3}y\right) \cdot \frac{1}{5}y^2y$
- c) $x^2 - \frac{1}{3}x^2 - 3x^2$
- d) $\frac{1}{2}y^2x^5 - \frac{3}{4}y^2x^5 - y^2x^5$
- e) $\frac{2}{a}x^2y^3z \cdot (-x^3yz)$ (với a là hằng số)

Hướng dẫn nghiên cứu bài học

CD: Các Tác dụng của dòng điện- Ứng dụng

A. Hướng dẫn học sinh tự học:

1. Đọc SGK Vật lí 7 trang 60- 65,
2. Đọc và làm các bài tập bài 23-24 SBT

B. Nghiên cứu dẫn kiến thức cơ bản của GV sau đây :

1. Tác dụng nhiệt và tác dụng phát sáng

- Dòng điện đi qua mọi vật dẫn thông thường, đều làm cho vật dẫn nóng lên. Nếu vật dẫn nóng lên tới nhiệt độ cao thì phát sáng
- Dòng điện có thể làm sáng bóng đèn bút thử điện và đèn điôt phát quang mặc dù các đèn này chưa nóng tới nhiệt độ cao

2. Tác dụng từ

- Dòng điện có tác dụng từ vì nó có thể làm quay kim nam châm

3. Tác dụng hóa học

- Dòng điện có tác dụng hóa học, chẳng hạn khi cho dòng điện đi qua dung dịch muối đồng thì nó tách đồng ra khỏi dung dịch, tạo thành lớp đồng bám trên thỏi than nối với cực âm

4. Tác dụng sinh lý

- Dòng điện có tác dụng sinh lý khi đi qua cơ thể người và các động vật

5. An toàn khi sử dụng điện-UD

- Cơ thể người là một vật dẫn điện. Dòng điện với cường độ 70mA trở lên đi qua cơ thể người hoặc làm việc với hiệu điện thế 40V trở lên là nguy hiểm với cơ thể

- Cầu chì tự động ngắt mạch khi dòng điện có cường độ tăng quá mức, đặc biệt khi đoản mạch

- Phải thực hiện các quy tắc an toàn khi sử dụng điện.

C. In đề bài ra giấy rồi tự luyện các Bài tập TN sau:

Câu 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Vật dẫn điện.....khi.....chạy qua

- A. Nóng lên, có dòng điện
- B. Nóng lên, không có dòng điện
- C. Không nóng lên, có dòng điện
- D. Cả ba câu đều sai

Câu 2: Sắp xếp theo thứ tự các chất có nhiệt độ nóng chảy tăng dần

- A. Vonfram, thép, đồng, chì
- B. Chì, đồng, thép, vonfram
- C. Chì, thép, đồng, vonfram
- D. Thép, đồng, chì, vonfram

Câu 3: Chọn câu phát biểu sai

- A. Tác dụng nhiệt của dòng điện là làm cho vật dẫn điện nóng lên
- B. Vật dẫn điện nóng lên khi có dòng điện chạy qua
- C. Dòng điện có tác dụng phát sáng
- D. Tác dụng phát sáng của dòng điện là làm cho vật dẫn điện nóng lên tới nhiệt độ cao và phát sáng

Câu 4: Chọn câu trả lời đúng

Bóng đèn tròn trong gia đình phát sáng là do:

- A. Tác dụng nhiệt của dòng điện
- B. Tác dụng phát sáng của dòng điện
- C. Vừa tác dụng nhiệt, vừa tác dụng phát sáng
- D. Dựa trên các tác dụng khác

Câu 5: Chọn câu trả lời đúng

Bóng đèn huỳnh quang trong gia đình phát sáng là do

- A. Tác dụng nhiệt của dòng điện
- B. Tác dụng hóa học của dòng điện
- C. Dựa trên tác dụng từ của dòng điện
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 6: Chọn câu trả lời đúng

Thiết bị điện nào sau đây hoạt động không dựa trên tác dụng nhiệt của dòng điện:

- A. Bếp điện B. Bàn ủi
- C. Nồi cơm điện D. Quạt máy

Câu 7: Chọn câu trả lời đúng

Khi đèn điôt phát quang phát sáng thì có:

- A. Dòng điện chạy từ bản cực âm sang bản cực dương của đèn
- B. Dòng điện chạy từ bản cực dương sang bản cực âm của đèn
- C. Dòng điện chạy từ bản cực này sang bản cực kia của đèn
- D. Không có dòng điện chạy vào các bản cực của đèn

Câu 8: Chọn phát biểu sai

- A. Bóng đèn tròn phát sáng là do dòng điện chạy qua dây tóc, làm dây tóc nóng tới nhiệt độ cao và phát sáng
- B. Bóng đèn bút thử điện phát sáng là do dòng điện chạy qua chất khí trong bóng đèn, làm chất khí này nóng lên và phát sáng

C. Bóng đèn huỳnh quang phát sáng là do dòng điện kích thích lớp bột phát quang được phủ bên thành trong bóng đèn phát sáng

D. Điốt phát quang phát sáng là do các bản cực nóng lên và phát sáng

Câu 9: Chọn câu trả lời đúng

Tác dụng nhiệt của dòng điện trong thiết bị nào sau đây là có ích:

A. Bàn ủi

B. Máy sấy tóc

C. Lò nướng điện

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 10: Chọn câu trả lời đúng

Tác dụng hóa học của dòng điện trong thiết bị nào sau đây là có ích:

A. Tivi B. Bể mạ điện

C. Cầu chì D. Đầu DVD

Câu 11: Chọn câu trả lời đúng

Trong các thiết bị điện trong gia đình, điốt phát quang có thể có trong các thiết bị nào sau đây?

A. Đèn báo trên TV

B. Đèn báo trên ổ áp điện

C. Đèn báo trên máy vi tính

D. Cả ba câu đều đúng

Câu 12: Chọn câu trả lời đúng

Cầu chì có tác dụng gì trong mạch điện ở nhà?

A. Ngắt mạch điện khi có sự cố chập điện

B. Trang trí cho đẹp các bảng điện

C. Bảo vệ an toàn cho các thiết bị điện

D. Câu A và C đúng

Câu 13: Chọn câu trả lời đúng

Băng kép hoạt động dựa trên tác dụng gì của dòng điện?

A. Tác dụng phát sáng

B. Tác dụng nhiệt

C. Tác dụng từ

D. Tác dụng hóa học

Câu 14: Chọn câu trả lời đúng

Quan sát bếp điện khi hoạt động và cho biết có những tác dụng nào của dòng điện?

A. Tác dụng từ

B. Tác dụng nhiệt

C. Tác dụng phát sáng

D. Câu B và C đúng

Câu 15: Chọn câu trả lời đúng

Dùng một sợi dây đồng nối liền hai cực của một cục pin còn đang sử dụng. Cục pin sẽ nóng dần lên. Điều này là do tác dụng nào của dòng điện?

A. Tác dụng từ

B. Tác dụng nhiệt

C. Tác dụng hóa học

D. Tác dụng sinh lí

Câu 16: Chọn câu trả lời đúng

Chuông điện hoạt động dựa trên tác dụng nào của dòng điện?

A. Tác dụng phát sáng

B. Tác dụng nhiệt

C. Tác dụng từ

D. Tác dụng hóa học

Câu 17: Chọn câu trả lời đúng

Tác dụng sinh lí của dòng điện khi đi qua cơ thể người là:

A. Làm các cơ co giật

- B. Làm tim ngừng đập
- C. Làm tê liệt thần kinh
- D. Cả ba câu trên

Câu 18: Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Dòng điện đi qua dung dịch muối đồng làm cho thỏi than nổi với.....được phủ một lớp đồng.
Điều này chứng tỏ dòng điện có tác dụng.....

- A. Cực dương, tác dụng hóa học
- B. Cực âm, tác dụng nhiệt
- C. Cực âm, tác dụng hóa học
- D. Cực dương, tác dụng từ

Câu 19: Chọn câu trả lời đúng

Trong quá trình sạc pin cho điện thoại di động. Dòng điện có các tác dụng gì?

- A. Tác dụng nhiệt
- B. Tác dụng từ
- C. Tác dụng hóa học
- D. Câu A và C đúng

Câu 20: Chọn câu trả lời đúng

Trong các quá trình sau, quá trình nào không ứng dụng tác dụng hóa học của dòng điện:

- A. Sơn tĩnh điện
- B. Mạ kim loại
- C. Sạc pin
- D. Nạp điện cho bình ắc – qui

Câu 21: Chọn câu trả lời đúng

Các thiết bị nào sau đây ứng dụng tác dụng từ của dòng điện:

- A. Quạt điện
- B. Máy bơm điện
- C. Chuông điện
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 22: Chọn câu trả lời đúng

Tác dụng nào dùng để chế tạo nam châm điện và các thiết bị đóng ngắt tự động

- A. Tác dụng từ
- B. Tác dụng sinh lí
- C. Tác dụng hóa học
- D. Tác dụng phát sáng

Câu 23: Chọn câu trả lời đúng

Trong bệnh viện, khi cấp cứu bệnh nhân có tim ngừng đập, bác sĩ hay sử dụng kỹ thuật sốc tim. Kỹ thuật này dựa trên tác dụng nào của dòng điện?

- A. Tác dụng từ
- B. Tác dụng sinh lí
- C. Tác dụng nhiệt
- D. Tác dụng hóa học

Câu 24: Chọn câu trả lời đúng

Quan sát hoạt động của chiếc quạt máy ở nhà, hãy cho biết nó hoạt động dựa trên tác dụng nào của dòng điện:

- A. Tác dụng từ
- B. Tác dụng nhiệt
- C. Tác dụng hóa học
- D. Cả A và B đúng

Câu 25: Chọn câu trả lời đúng

Dòng điện không có tác dụng nào dưới đây?

- A. Làm tê liệt thần kinh
- B. Làm quay kim nam châm
- C. Làm nóng dây dẫn

D. Hút các vụn giấy

Câu 26: Chọn câu trả lời đúng

Khi cho dòng điện chạy qua cuộn dây dẫn quấn quanh lõi sắt non thì cuộn dây này có thể hút:

A. Các vụn nhôm

B. Các vụn sắt

C. Các vụn đồng

D. Các vụn giấy viết

Câu 27: Chọn câu trả lời đúng

Chuông điện hoạt động là do:

A. Tác dụng nhiệt của dòng điện

B. Tác dụng từ của thỏi nam châm (nam châm vĩnh cửu) gắn trong chuông điện thoại

C. Tác dụng từ của dòng điện

D. Tác dụng hút và đẩy của các vật bị nhiễm điện

Câu 28: Chọn câu trả lời đúng

Tác dụng hóa học của dòng điện khi đi qua dung dịch muối đồng sunfat được biểu hiện ở chỗ:

A. Làm dung dịch này nóng lên

B. Làm dung dịch này bay hơi nhanh hơn

C. Làm biến đổi màu của hai thỏi than nối với hai cực của nguồn điện được nhúng trong dung dịch này

D. Làm biến đổi màu thỏi than nối với cực âm của nguồn điện được nhúng trong dung dịch này

Câu 29: Chọn câu trả lời đúng

Hiện tượng đoản mạch xảy ra khi:

A. Mạch điện có dây dẫn ngắn

B. Mạch điện bị nối tắt bằng dây đồng giữa hai cực của nguồn điện

C. Mạch điện dùng pin hay acquy để thấp sáng đèn

D. Mạch điện không có cầu chì

Câu 30 : Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Khi đoản mạch, dòng điện trong mạch có cường độ.....

A. Rất nhỏ

B. Rất lớn

C. Nhỏ hay lớn tùy từng loại mạch

D. Không thay đổi

Câu 31: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Vật dẫn điện.....khi.....chạy qua

A. Nóng lên, có dòng điện

B. Nóng lên, không có dòng điện

C. Không nóng lên, có dòng điện

D. Cả ba câu đều sai

Câu 32: Sắp xếp theo thứ tự các chất có nhiệt độ nóng chảy tăng dần

A. Vonfram, thép, đồng, chì

B. Chì, đồng, thép, vonfram

C. Chì, thép, đồng, vonfram

D. Thép, đồng, chì, vonfram

Câu 33: Chọn câu phát biểu sai

A. Tác dụng nhiệt của dòng điện là làm cho vật dẫn điện nóng lên

B. Vật dẫn điện nóng lên khi có dòng điện chạy qua

C. Dòng điện có tác dụng phát sáng

D. Tác dụng phát sáng của dòng điện là làm cho vật dẫn điện nóng lên tới nhiệt độ cao và phát sáng

Câu 34: Chọn câu trả lời đúng

Bóng đèn tròn trong gia đình phát sáng là do:

A. Tác dụng nhiệt của dòng điện

B. Tác dụng phát sáng của dòng điện

C. Vừa tác dụng nhiệt, vừa tác dụng phát sáng

D. Dựa trên các tác dụng khác

Câu 35: Chọn câu trả lời đúng

Bóng đèn huỳnh quang trong gia đình phát sáng là do

- A. Tác dụng nhiệt của dòng điện
- B. Tác dụng hóa học của dòng điện
- C. Dựa trên tác dụng từ của dòng điện
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 36: Chọn câu trả lời đúng

Thiết bị điện nào sau đây hoạt động không dựa trên tác dụng nhiệt của dòng điện:

- A. Bếp điện
- B. Bàn ủi
- C. Nồi cơm điện
- D. Quạt máy

Câu 37: Chọn câu trả lời đúng

Khi đèn điôt phát quang phát sáng thì có:

- A. Dòng điện chạy từ bản cực âm sang bản cực dương của đèn
- B. Dòng điện chạy từ bản cực dương sang bản cực âm của đèn
- C. Dòng điện chạy từ bản cực này sang bản cực kia của đèn
- D. Không có dòng điện chạy vào các bản cực của đèn

Câu 38: Chọn phát biểu sai

- A. Bóng đèn tròn phát sáng là do dòng điện chạy qua dây tóc, làm dây tóc nóng tới nhiệt độ cao và phát sáng
- B. Bóng đèn bút thử điện phát sáng là do dòng điện chạy qua chất khí trong bóng đèn, làm chất khí này nóng lên và phát sáng
- C. Bóng đèn huỳnh quang phát sáng là do dòng điện kích thích lớp bột phát quang được phủ bên thành trong bóng đèn phát sáng
- D. Điôt phát quang phát sáng là do các bản cực nóng lên và phát sáng

Câu 39: Chọn câu trả lời đúng

Tác dụng nhiệt của dòng điện trong thiết bị nào sau đây là có ích:

- A. Bàn ủi
- B. Máy sấy tóc
- C. Lò nướng điện
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 40: Chọn câu trả lời đúng

Tác dụng hóa học của dòng điện trong thiết bị nào sau đây là có ích:

- A. Tivi
- B. Bể mạ điện
- C. Cầu chì
- D. Đầu DVD

Nhóm địa lí 7: CHỦ ĐỀ: BẮC MĨ

I. MỤC TIÊU

- HS nắm được :

- + Đặc điểm 3 bộ phận địa hình Bắc Mỹ.
- + sự phân hóa địa hình theo hướng từ Bắc xuống Nam chi phối sự phân hóa khí hậu ở Bắc Mỹ.
- + Sự phân bố dân cư Bắc Mỹ gắn liền với quá trình khai thác lãnh thổ.
- + Các luồng di chuyển dân cư từ vùng CN Hồ Lớn xuống Vành đai Mặt Trời.
- + Đặc điểm các nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ở Bắc Mỹ.

II. Giao nhiệm vụ để học sinh chuẩn bị các nội dung cho chủ đề:

- + Nhiệm vụ 1: tìm hiểu về cấu trúc địa hình Bắc Mỹ

- + Nhiệm vụ 2: tìm hiểu về đặc điểm của sự phân bố dân cư và sự thay đổi trong phân bố dân cư của Bắc Mỹ
- + Nhiệm vụ 3: tìm hiểu đặc điểm nền nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của Bắc Mỹ.
(**Khuyến khích các em chuẩn bị nội dung trên phần mềm powerpoint**)

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP SỬ 7

CHUYÊN ĐỀ: NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527)

A. Kiến thức trọng tâm:

I. Tình hình chính trị, quân sự, pháp luật:

1. Tổ chức bộ máy chính quyền:

* Trung ương:

- Đứng đầu là vua: trực tiếp nắm mọi quyền hành.
- Triều đình có 6 bộ: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công.

* Địa Phương:

- Nước Đại Việt thời vua Lê Thánh Tông: chia làm 13 đạo thừa tuyên.
- Dưới đạo là phủ → châu → huyện → xã.

2. Tổ chức quân đội:

- Có 2 bộ phận chính:
 - + Quân triều đình.
 - + Quân địa phương.
- Được tổ chức theo chế độ *ngụ binh ư nông*.

3. Luật pháp:

- Ban hành: Luật Hồng Đức.

II. Tình hình kinh tế - xã hội:

1. Kinh tế

a. Nông nghiệp:

* Hoàn cảnh:

- Nhiều khó khăn.

* Biện pháp:

- Cho 25 vạn lính về quê làm ruộng, còn 10 vạn chia làm 5 phiên thay nhau về quê sản xuất.
- Kêu gọi dân phiêu tán về quê làm ruộng.
- Đặt các chức quan chuyên lo về nông nghiệp: Khuyến nông sứ, Hà đê sứ, Đồn điền sứ.
- Thực hiện phép quân điền.
- Chú trọng việc khai hoang.
- Cấm giết trâu, bò; cấm điều động dân phu mùa cấy gặt.

* Kết quả:

- Nông nghiệp nhanh chóng phục hồi và phát triển. Mùa màng tốt tươi.

b. Thủ công nghiệp:

- Có những bước biến đổi đáng kể và phát triển mạnh:
 - + Các nghề thủ công truyền thống phát triển.
 - + Nhiều làng thủ công chuyên nghiệp nổi tiếng ra đời.
- Xưởng thủ công nhà nước được đẩy mạnh.
- Thăng Long có nhiều phố phường buôn bán tấp nập.

c. Thương nghiệp:

- + Trong nước: Chợ phát triển.
- + Ngoài nước: Kiểm soát chặt chẽ việc buôn bán với nước ngoài.

2. Xã hội

- Phân hóa thành 2 giai cấp chính:
- + Thống trị: Vua, quan, địa chủ.
- + Bị trị: Nông dân, thợ thủ công, thương nhân.

III. Tình hình văn hóa, giáo dục:

1. Tình hình giáo dục và khoa cử

* Giáo dục, thi cử được nhà nước rất quan tâm.

- + Dựng lại Quốc Tử Giám, mở nhiều trường học ở các đạo, phủ.
- + Tuyển chọn người tài giỏi có đạo đức để làm thầy giáo.
- + Nho giáo chiếm địa vị độc tôn.
- + Thi cử chặt chẽ qua ba kì thi

2. Văn học, khoa học, nghệ thuật

a. Văn học:

- Chữ Hán được duy trì.
- Chữ Nôm giữ một vị trí quan trọng.

b) Khoa học:

- + Sử học: Đại Việt Sử Kí Toàn Thư...
- + Địa lý học: Dư Địa Chí.
- + Y học: Bản thảo thực vật toát yếu.
- + Toán học: Đại thành toán pháp...

c. Nghệ thuật:

- + Sân khấu: Ca múa, tuồng, chèo phát triển.
- + Kiến trúc và điêu khắc: đặc sắc ở các công trình lăng tẩm, cung điện.

IV. Một số danh nhân văn hóa xuất sắc của dân tộc:

* Lưu ý: Học sinh tự tìm tài kiến thức, trình bày được những hiểu biết về các danh nhân văn hóa xuất sắc của dân tộc thời Lê sơ.

1. Nguyễn Trãi (1380 – 1442).
2. Lê Thánh Tông (1442 – 1497).
3. Ngô Sĩ Liên (thế kỉ XV).
4. Lương Thế Vinh (1442 - ?).

B. Bài tập:

1. Bài tập 1:

Câu 1: Chính quyền Lê sơ hoàn chỉnh và cực thịnh vào thời vua nào?

- A. Lê Thái Tông
- B. Lê Thánh Tông
- C. Lê Thái Tổ
- D. Lê Nhân Tông

Câu 2: Câu 4: Nội dung chính của Luật Hồng Đức:

- A. Khuyến khích phát triển kinh tế.
- B. Bảo vệ quyền quốc gia, bảo vệ truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- C. Bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, vua, quan lại, địa chủ
- D. Bảo vệ quyền lợi của phụ nữ

Câu 3: Thời Lê sơ ở đâu tập trung nhiều ngành nghề thủ công nhất?

- A. Chu Đậu.
- B. Vạn Kiếp.
- C. Thăng Long.
- D. Vân Chàng.

Câu 4: Các cửa khẩu: Vân Đồn, Vạn Ninh (Quảng Ninh), Hội Thống (Nghệ An) là nơi:

- A. Thuyền bè các nước láng giềng qua lại buôn bán.
- B. Bó phòng để chống lại các thế lực thù địch.
- C. Tập trung các ngành nghề thủ công.
- D. Sản xuất các mặt hàng như: sành, sứ, vải, lụa.

Câu 5: Vì sao dưới thời Lê sơ số lượng nô tì giảm dần?

- A. Đời sống nhân dân được ấm no.
- B. Nhà nước kêu gọi nhân dân phiêu tán trở về quê làm ruộng.
- C. Quan lại không cần đến lực lượng nô tì.
- D. Pháp luật nhà Lê hạn chế nghiêm ngặt việc bán mình làm nô tì hoặc bức dân làm nô tì.

2. Bài tập 2: Trình bày những cống hiến của Nguyễn Trãi đối với sự nghiệp của nước Đại Việt.

NỘI DUNG ÔN TẬP TIẾNG ANH LỚP 7 TUẦN TỪ 16/3-22/3/2020

PART A. VOCABULARY AND PRONUNCIATION.

*** Yêu cầu việc chuẩn bị của học sinh.**

- Ôn tập cách đọc đuôi ED sau động từ.
- Tập đọc và thuộc nghĩa một số từ vựng cơ bản về chủ đề films.

1. animation (n) /'æni'meɪʃən/: phim hoạt họa
2. critic (n) /'krɪtɪk/: nhà phê bình
3. direct (v) /dɪ'rekt/: làm đạo diễn (phim, kịch. . .)
4. disaster (n) /dɪ'zɑ:stə/: thảm họa, tai họa
5. documentary (n) /,dɒkjə'mentri/: phim tài liệu
6. entertaining (adj) /,entə'teɪnɪŋ/: thú vị, làm vui lòng vừa ý
7. gripping (adj) /'grɪpɪŋ/: hấp dẫn, thú vị
8. hilarious (adj) /hɪ'leəriəs/: vui nhộn, hài hước
9. horror film (n) /'hɒrə film/: phim kinh dị
10. must-see (n) /'mʌst si:/: bộ phim hấp dẫn cần xem
11. poster (n) /'pəʊstə/: áp phích quảng cáo
12. recommend (v) /,rekə'mend/: giới thiệu, tiến cử
13. review (n) /rɪ'vju:/: bài phê bình
14. scary (adj) /:skeəri/: làm sợ hãi, rùng rợn
15. science fiction (sci-fi) (n) /saɪəns fɪkʃən/: phim khoa học viễn tưởng
16. star (v) /stɑ:/: đóng vai chính
17. survey (n) /'sɜ:veɪ/: cuộc khảo sát
18. thriller (n) /'θrɪlə/: phim kinh dị, giật gân
19. violent (adj) /'vaɪələnt/: có nhiều cảnh bạo lực

PART B. GRAMMAR.

- Adjectives of attitude
- Connectors: although, despite, in spite of, however, nevertheless.

PART C. PRACTICE.

I. Find the word with different sound in the underlined part in each line.

1. A. showed B. pushed C. rained D. followed
2. A. stopped B. passed C. asked D. obeyed
3. A. visited B. attended C. stayed D. tested
4. A. posted B. dreamed C. decided D. added
5. A. founded B. coughed C. ached D. hiked

II. Choose A, B, C or D that best completes the sentences.

1. I couldn't take my eyes off the _____ because the film was so interesting.
A. actor B. picture C. poster D. screen
2. Let's meet _____ our school gate at seven-thirty.
A. with B. at C. in D. on
3. I got a bit confused. The _____ was too complicated for me.
A. plot B. actor C. character D. type
4. The person who tells the actors and actresses what to do is the _____.
A. manager B. character C. actor D. director
5. This film is _____ two men who are close friends.
A. about B. on C. in D. for
6. He was _____ that Tom couldn't come to his party.
A. disappoint B. disappointedly C. disappointed D. disappointing
7. She was an _____ storyteller. We were amused and laughed a lot.
A. amuse B. amused C. amusing D. amusingly
8. There is an interesting film on _____ the local cinema.
A. to B. in C. about D. at
9. Mr Lam often finds his job _____.
A. exhaust B. exhausting C. exhausted D. exhaustedly
10. The main _____ is played by Tom Hanks.
A. character B. director C. actress D. film maker
11. The movie was so _____ that we couldn't sleep last night.
A. thrill B. thrilling C. thrilled D. thriller
12. I was absolutely _____ with the program on wildlife.
A. fascinate B. fascinated C. fascinating D. fascinatingly

III. Find a mistake in each sentence below.

1. They were disappointing with the result of the game.
2. Despite of her poor memory, the old woman told interesting stories to the children.
3. He was so surprising that he could not say anything.

IV. Give the correct form of the words in brackets.

1. We were satisfied with his (PERFORM) _____.
2. Mary has made (ASTONISH) _____ progress.
3. It was a very (INTEREST) _____ movie.
4. Many European film (DIRECT) _____ have gone to Hollywood to make films.

V. Choose the sentence which is closet in meaning to the sentence above.

1. *He didn't eat much although he was hungry.*
A. He didn't eat much in spite of being hungry.
B. He didn't eat much in spite of his hungry.
C. He didn't eat much despite his hunger.
D. All are correct.
2. *Although it got dark, they continued to work.*
A. Despite the darkness, they continued to work.
B. In spite the darkness, they continued to work.
C. Despite of the darkness, they continued to work.
D. In spite of darking, they continued to work.
3. *In spite of the noise, I kept on studying.*
A. Although it is noisy, I keep on studying.

- B. Although it is noise, I kept on studying.
 C. Although it was noisy, I kept on studying.
 D. Although it was noise, I keep on studying.
4. *Despite his good English, he wasn't chosen.*
 A. Although his English good, he wasn't chosen.
 B. Although his English was good, he wasn't chosen.
 C. Although his English was good, he was chosen.
 D. Although his good English, he wasn't chosen.
5. *Although Mary was sad, she managed to smile.*
 A. Despite being sad, Mary managed to smile.
 B. Despite sad, Mary managed to smile.
 C. In spite of sadness, she managed to smile.
 D. In spite being sad, Mary managed to smile.

IV. Choose the best sentence that can be made from the cues given.

1. *He/ stop/ car although/ lights/ turned red.*
 A. He stopped his car although the lights turned red.
 B. He stops his car although the lights turned red.
 C. He doesn't stop his car although the lights turned red.
 D. He didn't stop his car although the lights turned red.
2. *Although/ she/ intelligent, /she/ answer/ question.*
 A. Although she was very intelligent, she can answer my question.
 B. Although she was very intelligent, she can't answer my question.
 C. Although she is very intelligent, she can answer my question.
 D. Although she is very intelligent, she can't answer my question.
3. *He/ ate/ chocolate cake/ he/ diet.*
 A. He ate the chocolate cake although being on a diet.
 B. He ate the chocolate cake despite being on a diet.
 C. He ate the chocolate cake in spite of he was diet.
 D. He ate the chocolate cake although he was diet.
25. *streets/narrow/ however/ many people/ drive cars/ this town.*
 A. The streets are narrow; however, many people drive cars in this town.
 B. The streets narrow, however many people drive cars in this town.
 C. Streets narrow. However many people drive cars in this town.
 D. In spite of the streets are narrow; however, many people drive cars in this town.

III. Rewrite the sentences using the words given.

1. She didn't drink much although she was thirsty.
 Despite _____
2. In spite of the fog, he drove to work.
 Although _____
3. Although the streets are muddy, the children walk to school.
 In spite of _____
4. Despite his illness, he managed to go to the church.
 Although _____
5. Minh will take a plane although he dislikes flying.
 In spite of _____

NỘI DUNG ÔN TẬP TUẦN TỪ 16/3 ĐẾN 21/3/2020
MÔN NGỮ VĂN 7

Chuẩn bị nội dung bài học: “ *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”
 (Học sinh làm vào vở soạn văn các câu hỏi dưới đây).

1. Nêu hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm ? (Có thể trình bày dưới hình thức vẽ sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức)

2. Bài văn “ *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*” nghị luận về vấn đề gì? Trong phần mở đầu, câu văn nào thu tóm nội dung vấn đề nghị luận trong bài.
3. Để chứng minh cho nhận định: “ Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta”, tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào và sắp xếp theo trình tự như thế nào?
4. Xác định câu mở đoạn và câu kết câu kết đoạn của đoạn từ “*Đồng bào ta ngày nay*” đến “ *nơi lòng nồng nàn yêu nước*”. Các dẫn chứng trong đoạn này được sắp xếp theo cách nào. Các sự việc và con người được liên kết theo mô hình : “ *từ ... đến ...*” có mối quan hệ với nhau như thế nào?

NỘI DUNG HỌC SINH NGHIÊN CỨU BÀI HỌC CHO TUẦN TỪ 16/3 – 22/3

MÔN GDCD 7

Các em hãy đọc và nghiên cứu bài 14 trong sách giáo khoa “ Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên” và trả lời vào vở những câu hỏi sau?

I/ Thông tin, sự kiện:

? Những thông tin, sự kiện cung cấp cho chúng ta thông tin gì về thực trạng tài nguyên thiên nhiên và môi trường nước ta?

? Qua những thông tin, sự kiện đó, em thấy được mối liên hệ như thế nào giữa tài nguyên thiên nhiên và môi trường với sự sống của con người?

II/ Nội dung bài học:

1. Căn cứ vào sgk và hoạt động tự tìm hiểu cá nhân, em hiểu thế nào là môi trường? Thế nào là tài nguyên thiên nhiên?
2. Hãy nêu các vai trò cơ bản của môi trường và tài nguyên thiên nhiên đối với con người?
3. Chúng ta cần phải làm gì trước thực trạng tài nguyên thiên nhiên và môi trường hiện nay?(ở câu này, các em cần nêu được những việc làm, hành động cụ thể)

SINH HỌC 7

* Sinh 7: - Bài 39: Thần lẩn bóng đuôi dài

- Bài 40: Cấu tạo trong của thần lẩn

- Yêu cầu: HS tự nghiên cứu trả lời các câu hỏi trong vở bài tập và tóm tắt lại những ý chính trong bài vào vở ghi. Sau đợt nghỉ các thầy cô kiểm tra vở ghi và vở bài tập.

CÔNG NGHỆ 7

Tiết 26 – Bài 34 : Nhân giống vật nuôi

Trong giai đoạn phòng chống dịch COVID-19 : Sau 4 tuần liên tục ôn tập các nội dung kiến thức cũ đã học. Các thầy/ cô trong nhóm công nghệ 7 quyết định tuần này sẽ dành nhiều thời gian cho các em tự nghiên cứu kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của các thầy/ cô.

Các em đọc và nghiên cứu “ Tiết 26 – Bài 34 : Nhân giống vật nuôi ” với các định hướng sau :

Phần I : Chọn phối

- HS nêu khái niệm chọn phối và trả lời câu hỏi : “ Chọn phối là nhằm phát huy tác dụng của chọn lọc giống. Chất lượng của đời sau sẽ đánh giá được việc chọn lọc và chọn phối giống có đúng hay không đúng ? ”
- HS nêu được : Có mấy phương pháp chọn phối ? Mục đích của từng phương pháp. Lấy VD từng phương pháp.

Phần II : Nhân giống thuần chủng

- HS nêu khái niệm nhân giống thuần chủng là gì ? Lấy VD
- Trả lời câu hỏi : Làm thế nào để nhân giống thuần chủng đạt kết quả ?

Sau khi nghiên cứu bài 34 dưới sự hướng dẫn của GV. Các em hãy trả lời câu hỏi 1,2 (SGK/92) và nghiên cứu trước bài 35 : “ Thực hành nhận biết và chọn một số giống gà qua quan sát ngoại hình và đo kích thước các chiều” để trả lời câu hỏi : Nhận biết loại gà thông qua những cách nào? ; Làm sao để biết gà đẻ trứng to hay nhỏ ?